

Bản án số: 151/2020/HS-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Đỗ Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị B Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 131/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 02/3/1978.

HKTT: Tổ 8, phường Cam Giá, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Đón tét: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;
Văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông Lê Văn T và Con bà Nguyễn Thị K (đề đã chết). Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là thứ tám; có vợ là Vũ Phương T, sinh năm 1979, đã ly hôn; có 02 con chung. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 07/01/2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

Nguyễn Văn B, sinh năm 1988 (vắng mặt tại phiên tòa)

HKTT: Thôn Ruồng, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi liên quan:

Trần Văn B, sinh năm: 1982 (có mặt tại phiên tòa);

HKTT: Xóm Nam, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Người làm chứng

Cao Chí H, sinh năm 1984 (vắng mặt tại phiên tòa);
HKTT: Tổ 15, phường SH, thành phố TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 29/7/2011, anh Nguyễn Văn B đi làm về thì gặp bạn là anh Cao Chí H và Lê Văn T cùng 01 nam thanh niên tên M (là bạn của T). Do có quen biết từ trước nên T cùng M có xin ngủ lại tại phòng trọ thì được anh B đồng ý. Khoảng 07 giờ ngày 30/7/2019, anh B cùng T, M và anh H rủ nhau đi ăn sáng tại quán TH thuộc tổ 15, phường SH, thành phố TH nay là tổ 3, phường SH, thành phố TH. Quá trình ăn sáng, T thấy anh B có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu sơn trắng – đen, BKS 98N7 – 6xxx nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh B để sử dụng và bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi ăn xong, T nói dối anh B rằng cho T mượn chiếc xe mô tô BKS 98N7 – 6xxx của anh B để đi đón bạn gái và đưa M ra bến bắt xe đi Lào Cai rồi quay lại trả xe ngay. Anh B bảo đi một lúc rồi về và đồng ý cho T mượn xe. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe mô tô của anh B chở M ra ngã ba quá tải để M bắt xe khách đi Lào Cai, còn T điều khiển xe về khu vực dốc nh đón bạn gái T tên là T (hiện không rõ lai lịch địa chỉ) rồi cả hai đi thẳng lên Lào Cai chơi mà không mang xe về trả cho anh B. Khoảng 03 ngày sau đó, T đánh bạc tại Lào Cai bị thua hết tiền nên T đã cầm chiếc xe mô tô nêu trên cho một nam thanh niên không quen biết lấy 1.000.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài hết. Sau khi không thấy T quay lại trả xe và nhiều lần gọi điện thoại nhưng không được nên ngày 01/8/2011, anh Nguyễn Văn B đã trình báo Cơ quan công an đề nghị giải quyết.

* Vật chứng của vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu sơn trắng – đen, BKS 98N7 – 6xxx, số khung: B9609Y075xxx, số máy: 5B96075xxx, hiện không thu hồi được. Tại bản Kết luận số 08/HĐĐGTS ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố TH kết luận: Chiếc xe trên tại thời điểm bị mất (ngày 30/7/2011) có giá trị là 16.625.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn B yêu cầu Lê Văn T phải bồi thường số tiền tương ứng với giá trị chiếc xe theo định giá của Cơ quan chuyên môn.

Tại bản cáo trạng số 144/CT-VKSTPTH ngày 20/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 139 BLHS1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo khai đã nhận do có ý định chiếm đoạt chiếc xe máy BKS 98N7 – 6xxx của anh Nguyễn Văn B từ trước nên bị cáo đã có hành vi, lời nói gian dối làm

cho anh B tưởng giả là thật giao xe cho bị cáo. Khi có được xe máy bị cáo đã đem xe lên Lào Cai, đi đánh bạc bị thua nên đã cầm xe máy nêu trên để trả nợ.

Kết thúc xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt Lê Văn T từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù giam. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 357, 468; 584, 585, 586, 589 BLDS 2015: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi liên quan theo trị giá chiếc xe bị mất. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, sai. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại và người liên quan theo yêu cầu. Bị cáo xin giảm nhẹ mức án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và người liên quan;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TH, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với Đơn trình báo, biên bản nhận dạng, lời khai người bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 7 giờ ngày 30/7/2011, tại tổ 15, phường SH, thành phố TH nay là tổ 3, phường SH, thành phố TH, Lê Văn T đã có hành vi, lời nói gian dối làm cho anh Nguyễn Văn B tưởng giả là thật giao cho bị cáo 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu sơn trắng – đen, BKS 98N7 – 6xxx giá trị 16.625.000 đồng. Sau khi có được xe mô tô nêu trên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt.

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 BLHS1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ.

[3]. Về tính chất, mức độ, hành vi: Xét tính chất mức độ của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Sau khi gây án, bị cáo bỏ trốn và bị bắt lại theo lệnh truy nã. Ngoài vụ án này, bị cáo còn có hành vi chiếm đoạt một xe máy của anh Trần Văn B vào ngày 18/11/2011, điều đó cho thấy bị cáo liên tục thực hiện tội phạm, coi thường pháp luật. Xét thấy cần phải có mức án tương xứng với tội trạng mà bị cáo đã gây ra, buộc cách ly bị cáo xã hội một thời gian để giáo dục riêng, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, có thái độ tỏ ra ăn năn hối cải quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Xét thấy nên giảm nhẹ cho bị cáo một mức hình phạt để thấy rõ lượng khoan hồng của pháp luật, tích cực cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị nêu trên là còn nhẹ.

Đối với người có tên M, T (đều không rõ lai lịch địa chỉ) là bạn của Lê Văn T, T khai việc lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của anh Nguyễn Văn B thực hiện một mình, không bàn bạc hay nói cho M, T biết. Ngoài ra còn có 01 nam thanh niên không quen biết là người T khai đã nhận cầm chiếc xe mô tô do T lừa đảo chiếm đoạt được của anh B. Hiện không xác định được lai lịch địa chỉ của M, T và nam T niên trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra làm rõ.

Ngoài hành vi phạm tội như nêu trên, ngày 18/11/2011, tại tổ 20, phường HS, thành phố TH, Lê Văn T còn có hành vi gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đỏ - đen, BKS: 98B1-03x.xx trị giá 17.433.000 đồng của anh Trần Văn B. Hành vi của Lê Văn T ngày 18/11/2011 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 03 năm tù, thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015 có thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 05 năm. Sau khi bị Lê Văn T lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 24/11/2011, anh Trần Văn B đã đến Công an phường SH, thành phố TH trình báo. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra đối với vụ việc trên tuy nhiên chưa ra các quyết định tố tụng để xử lý Lê Văn T theo quy định. Vụ việc trên xảy ra đến nay là hơn 08 năm, đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Lê Văn T về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra ngày 18/11/2011.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường theo giá trị chiếc xe mà Hội đồng định giá đã kết luận. Tại phiên

tòa, anh Trần Văn B có yêu cầu bị cáo bồi thường theo giá trị chiếc xe mà Hội đồng định giá đã kết luận. Xét yêu cầu của họ là có căn cứ nên chấp nhận.

[5]. Bị cáo phải nộp án hình sự sơ thẩm; bị cáo và bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS 1999; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015 xử phạt:

- Lê Văn T: 18 (mười tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2020.

Căn cứ Điều 329 BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS:

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn B trị giá chiếc xe máy số tiền 16.625.000đ (mười sáu triệu, sáu trăm hai lăm ngàn đồng).

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn B trị giá chiếc xe máy số tiền 17.433.000đ (mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lên phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 1.703.000đ (một triệu bảy trăm linh ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo và người liên quan; kể từ ngày bị hại nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TPTH;
- TAND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp TN;
- Công an TPTH;
- THADS TPTH;
- Bị cáo, BH; NLQ;
- UBND nơi BC cư trú;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà

